

Số: 20/NQ-HĐND

Phú Lương, ngày 28 tháng 10 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;  
Kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Phú Lương, tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHÚ LƯƠNG  
NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của ngân sách cấp huyện;*



Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển tiếp quản lý dự án do UBND huyện làm Chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (đợt 3); điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của ngân sách cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh (đợt 2);

Xét Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Phú Lương, tỉnh Tuyên Quang, Báo cáo thẩm tra số 06/BC-KT-NS ngày 27/10/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và các ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của xã Phú Lương, cụ thể như sau:**

#### **I. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

**1. Tổng số danh mục dự án: 22 dự án, trong đó:**

1.1. Dự án do Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương trước sắp xếp làm Chủ đầu tư chuyển tiếp quản lý về UBND xã Phú Lương: 13 dự án.

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương (theo Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND tỉnh): 08 dự án.

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG nông thôn mới: 04 dự án.

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 01 dự án.

1.2. Dự án do Ủy ban nhân dân các xã trước sắp xếp làm đầu tư chuyển tiếp quản lý về UBND xã Phú Lương: 09 dự án.

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương: 02 dự án.

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới: 06 dự án

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 01 dự án.

**2. Tổng mức đầu tư các dự án: 85.488,97 triệu đồng, trong đó:**

2.1. Dự án do Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương trước sắp xếp làm Chủ đầu tư chuyển tiếp quản lý về UBND xã Phú Lương: 81.710,27 triệu đồng.

- Dự án thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương (theo Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 08/10/2025): 57.601,9 triệu đồng.

- Dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG nông thôn mới: 23.505,46 triệu đồng.

- Dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 602,9 triệu đồng.

2.2. Dự án do Ủy ban nhân dân các xã trước sắp xếp làm đầu tư chuyển tiếp quản lý về UBND xã Phú Lương: **3.778,7 triệu đồng.**

- Dự án thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương: 771 triệu đồng.

- Dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới: 2.212,3 triệu đồng.

- Dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 794,7 triệu đồng.

### 3. Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn Ngân sách địa phương: 31.744 triệu đồng

- Nguồn vốn Ngân sách Trung ương: 13.195 triệu đồng.

## II. Kế hoạch đầu tư công năm 2025

### 1. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025

Tổng kế hoạch vốn năm 2025: **16.666,75 triệu đồng**, trong đó:

- Nguồn vốn Ngân sách địa phương: 15.104,75 triệu đồng

- Nguồn vốn Ngân sách Trung ương: 1.562 triệu đồng.

### 2. Các dự án đầu tư và phân bổ kế hoạch vốn

- Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trước 01/7/2025 nhưng còn thiếu vốn: 02 dự án, kế hoạch vốn bố trí: 3.441,84 triệu đồng.

- Dự án đã hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán: 01 dự án, kế hoạch vốn bố trí: 6.472,84 triệu đồng.

- Dự án đang triển khai thực hiện: 06 dự án, kế hoạch vốn bố trí: 6.752,06 triệu đồng.

- Dự án chuẩn bị đầu tư: 03 dự án, kế hoạch vốn bố trí: 0 triệu đồng.

*(Chi tiết theo các biểu đính kèm)*

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã căn cứ vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được Hội đồng nhân dân xã quyết nghị tại Nghị quyết này tổ chức triển khai thực hiện, quản lý các dự án đầu tư công theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Phú Lương, nhiệm kỳ 2021-2025, kỳ họp chuyên đề lần thứ hai thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh; (B/cáo);
- Thường trực Đảng ủy;
- TTr HĐND, các Ban HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã (Thực hiện);
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CTXH,
- Đại biểu HĐND xã;
- Thành viên UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Chánh, PCVP HĐND&UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT (Hào 30b).

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Thị Thu Hà**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;  
Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của xã Phú Lương**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Phú Lương, nhiệm kỳ 2021-2026,  
kỳ họp chuyên đề.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi Luật Đấu thầu;  
Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị  
gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công;  
Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy  
ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban  
Thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên  
Quang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ Quy  
định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực  
quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/7/2024 của Hội đồng nhân  
dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu  
tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024  
được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang  
kế hoạch năm 2025 của ngân sách cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND tỉnh về  
việc chuyển tiếp quản lý dự án do UBND huyện làm Chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh  
Tuyên Quang (đợt 3); điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-  
2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà  
nước năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và  
giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của ngân sách cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư  
công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh (đợt 2);

Căn cứ Kết luận số 40-KL/ĐU ngày 26/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng  
ủy tại hội nghị ngày 26/10/2025.



Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp chuyên đề xem xét phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của xã Phú Lương, cụ thể như sau:

### **I. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

#### **1. Tổng số danh mục dự án: 22 dự án, trong đó:**

1.1. Dự án do Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương trước sắp xếp làm Chủ đầu tư chuyển tiếp quản lý về UBND xã Phú Lương: 13 dự án.

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương (theo Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 08/10/2025): 8 dự án.

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG nông thôn mới: 4 dự án.

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1 dự án.

1.2. Dự án do Ủy ban nhân dân các xã trước sắp xếp làm đầu tư chuyển tiếp quản lý về UBND xã Phú Lương: 09 dự án.

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương: 02 dự án.

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới: 06 dự án

- Danh mục dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 01 dự án.

#### **2. Tổng mức đầu tư các dự án: 85.488,97 triệu đồng, trong đó:**

2.1. Dự án do Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương trước sắp xếp làm Chủ đầu tư chuyển tiếp quản lý về UBND xã Phú Lương: 81.710,27 triệu đồng.

- Dự án thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương (theo Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 08/10/2025): 57.601,9 triệu đồng.

- Dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG nông thôn mới: 23.505,46 triệu đồng.

- Dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 602,9 triệu đồng.

2.2. Dự án do Ủy ban nhân dân các xã trước sắp xếp làm đầu tư chuyển tiếp quản lý về UBND xã Phú Lương: 3.778,7 triệu đồng.

- Dự án thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương: 771 triệu đồng.

- Dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới: 2.212,3 triệu đồng.

- Dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 794,7 triệu đồng.



**3. Nguồn vốn thực hiện:**

- Nguồn vốn Ngân sách địa phương: 31.744 triệu đồng
- Nguồn vốn Ngân sách Trung ương: 13.195 triệu đồng.

**II. Kế hoạch đầu tư công năm 2025****1. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025**

Tổng kế hoạch vốn năm 2025: **16.666,75 triệu đồng**, trong đó:

- Nguồn vốn Ngân sách địa phương: 15.104,75 triệu đồng
- Nguồn vốn Ngân sách Trung ương: 1.562 triệu đồng.

**2. Các dự án đầu tư và phân bổ kế hoạch vốn**

- Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trước 01/7/2025 nhưng còn thiếu vốn: 02 dự án, kế hoạch vốn bố trí: 3.441,84 triệu đồng.
- Dự án đã hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán: 01 dự án, kế hoạch vốn bố trí: 6.472,84 triệu đồng.
- Dự án chuyển tiếp sang năm 2025 đang triển khai thực hiện: 06 dự án, kế hoạch vốn bố trí: 6.752,06 triệu đồng.
- Dự án chuẩn bị đầu tư: 03 dự án, kế hoạch vốn bố trí: 0 triệu đồng.

*(Chi tiết theo các biểu đính kèm)*

**III. Giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện dự án:**

Trước mắt, khi chưa được UBND tỉnh cho phép thành lập Ban quản lý dự án xã do xã chưa có đủ biên chế đáp ứng yêu cầu; căn cứ Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế tại địa bàn; Ủy ban nhân dân xã giao Văn phòng HĐND và UBND xã làm Chủ đầu tư các dự án được chuyển tiếp từ tỉnh về UBND xã.

Ủy ban nhân dân xã Phú Lương trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi (Đề trình);
- TTr Đảng ủy (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Chánh, PCVP HĐND&UBND xã;
- CV: TH;
- Lưu: VT, (PKT      b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Dương Anh Chung**

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ LƯƠNG**

(Khai theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2021 của UBND xã Phú Lương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án                                                                                                                                                                          | Năm dự án | Mã dự án/hạng dự án | Thời gian KCHT | Quyết định phê duyệt dự toán, điều chỉnh (nếu có) hoặc quyết toán |                                 |                |                | Trung đó                                            |                                                     |                                                     |                           | Trung đó                                                   |                |                       |                | Lấy kế toán để kê khai theo quyết định số 30/6/2025 | Trung đó       |                | Chức năng nhiệm vụ trước sáp nhập | Chức năng nhiệm vụ tiếp nhận | Ghi chú                                    |                |                |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------|----------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------------|-----------------------------------------------------|----------------|----------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------|----------------|----------------|
|     |                                                                                                                                                                                         |           |                     |                | Số QĐ ngày/tháng/năm                                              | TMBT/Tổng giá trị quyết toán    |                |                | Lấy kế toán để kê khai theo quyết định số 30/6/2025 | Lấy kế toán để kê khai theo quyết định số 30/6/2025 | Lấy kế toán để kê khai theo quyết định số 30/6/2025 | Kế hoạch vốn DTC năm 2025 | Kế hoạch vốn năm 2024 báo cáo thời gian thực hiện năm 2025 |                | Kế hoạch vốn năm 2025 |                |                                                     | Nguồn vốn NSTW | Nguồn vốn NSDP |                                   |                              |                                            |                |                |
|     |                                                                                                                                                                                         |           |                     |                |                                                                   | Tổng số (tổng cả các nguồn vốn) | Trung đó:      |                |                                                     |                                                     |                                                     |                           | Nguồn vốn NSTW                                             | Nguồn vốn NSDP | Nguồn vốn NSTW        | Nguồn vốn NSDP |                                                     |                | Nguồn vốn NSTW |                                   |                              |                                            | Nguồn vốn NSDP |                |
|     |                                                                                                                                                                                         |           |                     |                |                                                                   |                                 | Nguồn vốn NSTW | Nguồn vốn NSDP |                                                     |                                                     |                                                     |                           |                                                            |                |                       |                |                                                     |                |                |                                   |                              |                                            |                | Nguồn vốn NSTW |
| 1   | 2                                                                                                                                                                                       | 3         | 4                   | 5              | 6                                                                 | 7                               | 8              | 9              | 10                                                  | 11                                                  | 12                                                  | 13                        | 14                                                         | 15             | 16                    | 17             | 18                                                  | 19             | 20             | 21                                | 22                           | 23                                         | 24             | 25             |
|     | TỔNG CỘNG                                                                                                                                                                               |           |                     |                |                                                                   | 85.488,97                       | 4.854,10       | 80.634,87      | 29.478,65                                           |                                                     | 85.488,97                                           | 3.556,10                  | 80.634,87                                                  | 16.666,75      |                       | 8.172,84       | 1.562,00                                            | 6.931,90       | 44.684,28      | 13.195,20                         | 31.744,90                    |                                            |                |                |
| A   | CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ TỈNH (TRƯỚC ĐÂY DO HUYỆN SƠN DƯƠNG QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ) CHUYỂN VỀ XÃ                                                                                             | 13        |                     |                |                                                                   | 81.710,27                       | 1.847,10       | 79.863,17      | 28.706,95                                           |                                                     | 81.710,27                                           | 1.847,10                  | 79.863,17                                                  | 16.568,75      |                       | 8.172,84       | 1.464,00                                            | 6.931,90       | 42.105,58      | 11.388,20                         | 31.744,90                    |                                            |                |                |
| A1  | Ngân sách ngân sách địa phương                                                                                                                                                          | 8         |                     |                |                                                                   | 57.601,90                       |                | 57.601,90      | 11.611,84                                           |                                                     | 57.601,90                                           |                           | 57.601,90                                                  | 5.531,90       |                       |                |                                                     | 5.531,90       | 16.801,90      |                                   | 16.801,90                    |                                            |                |                |
| I   | Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trước 01/7/2025                                                                                                                                | 1         |                     |                |                                                                   | 11.611,84                       |                | 11.611,84      | 11.611,84                                           |                                                     | 11.611,84                                           |                           | 11.611,84                                                  | 341,84         |                       |                |                                                     | 341,84         | 11.611,84      |                                   | 11.611,84                    |                                            |                |                |
| I   | Xây dựng trường Mầm non Tam Đa, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang năm 2022                                                                                                              | C         | 7955330             | 2023           | 3532/QĐ-UBND ngày 30/04/2025                                      | 11.611,84                       |                | 11.611,84      | 11.611,84                                           |                                                     | 11.611,84                                           |                           | 11.611,84                                                  | 341,84         |                       |                |                                                     | 341,84         | 11.611,84      |                                   | 11.611,84                    | Ban QLDA DTXD huyện Sơn Dương              | Phú Lương      |                |
| II  | Hiện thành chưa phê duyệt quyết toán                                                                                                                                                    |           |                     |                |                                                                   |                                 |                |                |                                                     |                                                     |                                                     |                           |                                                            |                |                       |                |                                                     |                |                | 11.611,84                         |                              |                                            |                |                |
| III | Các dự án đang triển khai thực hiện                                                                                                                                                     | 4         |                     |                |                                                                   | 5.190,06                        |                | 5.190,06       |                                                     |                                                     | 5.190,06                                            |                           | 5.190,06                                                   | 5.190,06       |                       |                |                                                     | 5.190,06       | 5.190,06       |                                   | 5.190,06                     |                                            |                |                |
| (I) | Khởi công trong giai đoạn 2021-2025                                                                                                                                                     | 4         |                     |                |                                                                   | 5.190,06                        |                | 5.190,06       |                                                     |                                                     | 5.190,06                                            |                           | 5.190,06                                                   | 5.190,06       |                       |                |                                                     | 5.190,06       | 5.190,06       |                                   | 5.190,06                     |                                            |                |                |
| 1   | Quy hoạch, xây dựng khu dân cư thôn Phú Xuân, xã Tam Đa, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang                                                                                              | C         | 8046498             | 2023-2025      | 6174/QĐ-UBND ngày 24/10/2024                                      | 4.442,01                        |                | 4.442,01       |                                                     |                                                     | 4.442,01                                            |                           | 4.442,01                                                   | 4.442,01       |                       |                |                                                     | 4.442,01       | 4.442,01       |                                   | 4.442,01                     | Ban QLDA DTXD huyện Sơn Dương              | Phú Lương      |                |
| 2   | Đường GTNT xã Đại Phú                                                                                                                                                                   | C         | 7898530             | 2025           |                                                                   | 614,12                          |                | 614,12         |                                                     |                                                     | 614,12                                              |                           | 614,12                                                     | 614,12         |                       |                |                                                     | 614,12         | 614,12         |                                   | 614,12                       | BQL kế tổng hợp đường GTNT huyện Sơn Dương | Phú Lương      |                |
| 3   | Đường GTNT xã Tam Đa                                                                                                                                                                    | C         | 7898527             | 2025           |                                                                   | 18,28                           |                | 18,28          |                                                     |                                                     | 18,28                                               |                           | 18,28                                                      | 18,28          |                       |                |                                                     | 18,28          | 18,28          |                                   | 18,28                        | BQL kế tổng hợp đường GTNT huyện Sơn Dương | Phú Lương      |                |
| 4   | Đường GTNT xã Phú Lương                                                                                                                                                                 | C         | 7898535             | 2025           |                                                                   | 115,66                          |                | 115,66         |                                                     |                                                     | 115,66                                              |                           | 115,66                                                     | 115,66         |                       |                |                                                     | 115,66         | 115,66         |                                   | 115,66                       | BQL kế tổng hợp đường GTNT huyện Sơn Dương | Phú Lương      |                |
| IV  | Dự án chuẩn bị đầu tư                                                                                                                                                                   | 3         |                     |                |                                                                   | 40.800,00                       |                | 40.800,00      |                                                     |                                                     | 40.800,00                                           |                           | 40.800,00                                                  |                |                       |                |                                                     |                |                |                                   |                              |                                            |                |                |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp đường D11.10 Phú Lương - Quang Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang                                                                                                 | C         | 8138645             | 2025-2026      | 207/QĐ-UBND ngày 18/3/2025                                        | 17.500,00                       |                | 17.500,00      |                                                     |                                                     | 17.500,00                                           |                           | 17.500,00                                                  |                |                       |                |                                                     |                |                |                                   |                              | Ban QLDA DTXD huyện Sơn Dương              | Phú Lương      |                |
| 2   | Hà tăng kỹ thuật mở rộng và điều chỉnh khu dân cư xã Đại Phú, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang                                                                                         | C         | 8131852             | 2024-2026      |                                                                   | 14.000,00                       |                | 14.000,00      |                                                     |                                                     | 14.000,00                                           |                           | 14.000,00                                                  |                |                       |                |                                                     |                |                |                                   |                              | Ban QLDA DTXD huyện Sơn Dương              | Phú Lương      |                |
| 3   | Xây dựng nhà ở xã hội gồm phòng hành chính quản trị, phòng học bộ môn, phòng chức năng trường THCS Phú Lương, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang                           | C         | 8076233             | 2025-2026      | 4233/QĐ-UBND ngày 14/8/2024                                       | 9.300,00                        |                | 9.300,00       |                                                     |                                                     | 9.300,00                                            |                           | 9.300,00                                                   |                |                       |                |                                                     |                |                |                                   |                              | Ban QLDA DTXD huyện Sơn Dương              | Phú Lương      |                |
| A2  | Ngân sách Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới                                                                                                                         | 4         |                     |                |                                                                   | 23.585,46                       | 1.244,20       | 22.261,26      | 17.095,10                                           |                                                     | 23.585,46                                           | 1.244,20                  | 22.261,26                                                  | 11.836,84      |                       | 8.172,84       | 1.464,00                                            | 1.400,00       | 24.700,77      | 11.388,20                         | 14.943,00                    |                                            |                |                |
| I   | Công trình hoàn thành phê duyệt quyết toán trước 01/7/2025                                                                                                                              | 1         |                     |                |                                                                   | 1.244,20                        |                | 1.244,20       |                                                     |                                                     | 1.244,20                                            |                           | 1.244,20                                                   |                |                       |                |                                                     |                | 1.244,20       | 1.244,20                          |                              |                                            |                |                |
| 1   | Xây dựng 02 phòng học điểm trường mầm non Hào Mỗ Đông xã Đại Phú                                                                                                                        | C         | 8078843             | 2024-2025      |                                                                   | 1.244,20                        |                | 1.244,20       |                                                     |                                                     | 1.244,20                                            |                           | 1.244,20                                                   |                |                       |                |                                                     |                | 1.244,20       | 1.244,20                          |                              | Ban QLDA DTXD huyện Sơn Dương              | Phú Lương      |                |
| II  | Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán nhưng còn thiếu vốn                                                                                                                            | 1         |                     |                |                                                                   | 9.595,00                        |                | 9.595,00       | 7.606,52                                            |                                                     | 9.595,00                                            |                           | 9.595,00                                                   | 3.100,00       |                       | 1.700,00       |                                                     | 1.400,00       | 9.156,52       | 6.905,00                          | 2.689,00                     |                                            |                |                |
| 1   | Xây dựng nhà ở xã hội gồm phòng học, phòng học bộ môn trường Tiểu học Phú Lương, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (vốn tỉnh 1.000tr, vốn NTM 6.905 tr, vốn khác 1.689tr) | C         | 8065943             | 2023-2025      | 5849/QĐ-UBND ngày 27/06/2025                                      | 9.595,00                        |                | 9.595,00       | 7.606,52                                            |                                                     | 9.595,00                                            |                           | 9.595,00                                                   | 3.100,00       |                       | 1.700,00       |                                                     | 1.400,00       | 9.156,52       | 6.905,00                          | 2.689,00                     | Ban QLDA DTXD huyện Sơn Dương              | Phú Lương      |                |
| III | Hiện thành chưa phê duyệt quyết toán                                                                                                                                                    | 1         |                     |                |                                                                   | 11.202,26                       |                | 11.202,26      | 9.488,58                                            |                                                     | 11.202,26                                           |                           | 11.202,26                                                  | 6.472,84       |                       | 6.472,84       |                                                     |                | 14.300,05      | 1.775,00                          | 12.254,00                    |                                            |                |                |

| STT | Danh mục dự án                                                                                                                                                                         | Nhóm dự án | Mã dự án/loại dự án | Thời gian KCHT | Quyết định phê duyệt dự toán, điều chỉnh (nếu có) hoặc quyết toán |                                |                |                | Lấy kế K.L.T.H đầu 30/6/2025 | Lấy kế vắn đầu kế trị đầu 31/12/2020 | Kế hoạch vắn BTC trong hạn giải ngân 2021-2025 | Trung đó       |                | Kế hoạch vắn BTC năm 2025 | Trung đó                                                        |                |                       |                | Lấy kế vắn đầu kế trị từ K.C đầu 30/6/2025 | Trung đó       |                | Chỉ dẫn từ trước cấp xếp      | Chỉ dẫn từ cấp nhận | Chỉ chỉ |  |  |  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|----------------|------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------|----------------|----------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------------|--------------------------------------------|----------------|----------------|-------------------------------|---------------------|---------|--|--|--|
|     |                                                                                                                                                                                        |            |                     |                | Số QĐ ngày/tháng/âm                                               | TMDT/Tổng giá trị quyết toán   |                |                |                              |                                      |                                                | Nguồn vắn NSTW | Nguồn vắn NSDP |                           | Kế hoạch vắn năm 2024 báo cáo thời gian thực hiện sang năm 2025 |                | Kế hoạch vắn năm 2025 |                |                                            | Nguồn vắn NSTW | Nguồn vắn NSDP |                               |                     |         |  |  |  |
|     |                                                                                                                                                                                        |            |                     |                |                                                                   | Tăng số (tất cả các nguồn vắn) | Trung đó:      |                |                              |                                      |                                                |                |                |                           | Nguồn vắn NSTW                                                  | Nguồn vắn NSDP | Nguồn vắn NSTW        | Nguồn vắn NSDP |                                            |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
|     |                                                                                                                                                                                        |            |                     |                |                                                                   |                                | Nguồn vắn NSTW | Nguồn vắn NSDP |                              |                                      |                                                |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| 1   | 2                                                                                                                                                                                      | 3          | 4                   | 5              | 6                                                                 | 7                              | 8              | 9              | 10                           | 11                                   | 12                                             | 13             | 14             | 15                        | 16                                                              | 17             | 18                    | 19             | 20                                         | 21             | 22             | 23                            | 24                  | 25      |  |  |  |
| I   | Xây dựng nhà Q2 tăng gồm phòng hành chính quận trị, phòng chức năng, nhà bếp trường mầm non Tam Đa, xã Tam Đa, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (vốn tính 12.254tr; vốn NTM 1.775 tr) | C          | 8076228             | 2024-2025      | 3391/QĐ-UBND ngày 10/7/2024                                       | 11.202,36                      |                | 11.202,36      | 9.488,58                     |                                      | 11.202,26                                      |                | 11.202,26      | 6.472,84                  |                                                                 | 6.472,84       |                       |                | 14.300,05                                  | 1.775,00       | 12.254,00      | Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Dương | Phó Lương           |         |  |  |  |
| IV  | Các dự án đang triển khai thực hiện                                                                                                                                                    | I          |                     |                |                                                                   | 1.464,00                       |                | 1.464,00       |                              |                                      | 1.464,00                                       |                | 1.464,00       | 1.464,00                  |                                                                 |                | 1.464,00              |                |                                            | 1.464,00       |                |                               |                     |         |  |  |  |
| I   | Nâng cấp cầu thôn thôn An Mỹ                                                                                                                                                           | C          | 8133422             | 2025           | 392/QĐ-UBND ngày 06/5/2025                                        | 1.464                          |                | 1.464          |                              |                                      | 1.464                                          |                | 1.464          | 1.464                     |                                                                 |                | 1.464                 |                |                                            | 1.464          |                | Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Dương | Phó Lương           |         |  |  |  |
| V   | Dự án chuẩn bị đầu tư                                                                                                                                                                  |            |                     |                |                                                                   |                                |                |                |                              |                                      |                                                |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| A3  | Nguồn vắn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng DTTS và miền núi                                                                                                         | I          |                     |                |                                                                   | 602,90                         |                | 602,90         |                              |                                      | 602,90                                         |                | 602,90         |                           |                                                                 |                |                       |                | 602,90                                     |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| I   | Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán                                                                                                                                               | I          |                     |                |                                                                   | 602,90                         |                | 602,90         |                              |                                      | 602,90                                         |                | 602,90         |                           |                                                                 |                |                       |                | 602,90                                     |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| I   | Xây dựng đường giao thôn thôn Lào Nhào (Cầu đoạn 1)                                                                                                                                    | C          | 8005534             | 2024           |                                                                   | 602,90                         |                | 602,90         |                              |                                      | 602,90                                         |                | 602,90         |                           |                                                                 |                |                       |                | 602,90                                     |                |                | Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Dương | Phó Lương           |         |  |  |  |
| II  | Hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán                                                                                                                                                   |            |                     |                |                                                                   |                                |                |                |                              |                                      |                                                |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| III | Các dự án đang triển khai thực hiện                                                                                                                                                    |            |                     |                |                                                                   |                                |                |                |                              |                                      |                                                |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| IV  | Dự án chuẩn bị đầu tư                                                                                                                                                                  |            |                     |                |                                                                   |                                |                |                |                              |                                      |                                                |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| B   | CÁC DỰ ÁN DO UBND J XÃ TRƯỚC SÁP NHẬP LÀM CHỦ ĐẦU TƯ                                                                                                                                   | 9          |                     |                |                                                                   | 3.778,70                       | 3.007,00       | 771,70         | 771,70                       |                                      | 3.778,70                                       | 1.709,00       | 771,70         | 98,00                     |                                                                 |                | 98,00                 |                | 2.578,70                                   | 1.807,00       |                |                               |                     |         |  |  |  |
| A1  | Nguồn vắn ngân sách địa phương                                                                                                                                                         | 2          |                     |                |                                                                   | 771,70                         |                | 771,70         | 771,70                       |                                      | 771,70                                         |                | 771,70         |                           |                                                                 |                |                       |                | 771,70                                     |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| I   | Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trước 01/7/2025                                                                                                                               | 2          |                     |                |                                                                   | 771,70                         |                | 771,70         | 771,70                       |                                      | 771,70                                         |                | 771,70         |                           |                                                                 |                |                       |                | 771,70                                     |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| I   | Xây dựng kế và đường dọc bờ nước đùn của thôn thôn An Mỹ, xã Đại Phú                                                                                                                   |            | 8085375             | 2024           |                                                                   | 577,60                         |                | 577,60         | 577,60                       |                                      | 577,60                                         |                | 577,60         |                           |                                                                 |                |                       |                | 577,60                                     |                |                |                               | Dại Phú             |         |  |  |  |
| 2   | Xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch xã Tam Đa                                                                                                                                          |            | 8091506             | 2024           |                                                                   | 194,10                         |                | 194,10         | 194,10                       |                                      | 194,10                                         |                | 194,10         |                           |                                                                 |                |                       |                | 194,10                                     |                |                |                               | Tam Đa              |         |  |  |  |
| II  | Hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán                                                                                                                                                   |            |                     |                |                                                                   |                                |                |                |                              |                                      |                                                |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| III | Các dự án đang triển khai thực hiện                                                                                                                                                    |            |                     |                |                                                                   |                                |                |                |                              |                                      |                                                |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| IV  | Dự án chuẩn bị đầu tư                                                                                                                                                                  |            |                     |                |                                                                   |                                |                |                |                              |                                      |                                                |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| A3  | Nguồn vắn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới                                                                                                                        | 6          |                     |                |                                                                   | 2.212,3                        |                | 2.212,30       | 2.212,30                     |                                      | 2.212,30                                       | 914,30         |                | 98,00                     |                                                                 |                | 98,00                 |                | 1.012,30                                   | 1.012,30       |                |                               |                     |         |  |  |  |
| I   | Công trình hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trước 01/7/2025                                                                                                                          | 5          |                     |                |                                                                   | 2.114,30                       |                | 2.114,30       | 2.114,30                     |                                      | 2.114,30                                       | 914,30         |                |                           |                                                                 |                |                       |                | 914,30                                     | 914,30         |                |                               |                     |         |  |  |  |
| 1   | Xây dựng Nhà văn hóa thôn Tân Phú, Xã Tam Đa (theo NQ 88/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh)                                                                                        |            | 8045654             | 2024           |                                                                   | 300,00                         |                | 300,00         | 300,00                       |                                      | 300,00                                         |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                | Tam Đa                        |                     |         |  |  |  |
| 2   | Xây dựng Nhà văn hóa thôn Lộ Viên, Xã Tam Đa (theo NQ 88/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh)                                                                                        |            | 8045655             | 2024           |                                                                   | 300,00                         |                | 300,00         | 300,00                       |                                      | 300,00                                         |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                | Tam Đa                        |                     |         |  |  |  |
|     | Xây dựng Nhà văn hóa thôn Cầu Kỵ, Xã Tam Đa (theo NQ 88/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh)                                                                                         |            | 8045659             | 2024           |                                                                   | 300,00                         |                | 300,00         | 300,00                       |                                      | 300,00                                         |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                | Tam Đa                        |                     |         |  |  |  |
| 4   | Xây dựng Nhà văn hóa thôn Vĩ Lăng, Xã Tam Đa (theo NQ 88/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh)                                                                                        |            | 8045656             | 2024           |                                                                   | 300,00                         |                | 300,00         | 300,00                       |                                      | 300,00                                         |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                | Tam Đa                        |                     |         |  |  |  |
| 5   | Xây dựng đường trục xã từ thôn Lương Viên đi thôn Tân Lộc                                                                                                                              | C          | 8091505             | 2025           |                                                                   | 914,30                         |                | 914,30         | 914,30                       |                                      | 914,30                                         | 914,30         |                |                           |                                                                 |                |                       |                | 914,30                                     | 914,30         |                |                               | Tam Đa              |         |  |  |  |
| II  | Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán nhưng còn thiếu vắn                                                                                                                           |            |                     |                |                                                                   |                                |                |                |                              |                                      |                                                |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| III | Hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán                                                                                                                                                   |            |                     |                |                                                                   |                                |                |                |                              |                                      |                                                |                |                |                           |                                                                 |                |                       |                |                                            |                |                |                               |                     |         |  |  |  |
| IV  | Các dự án đang triển khai thực hiện                                                                                                                                                    | I          |                     |                |                                                                   | 98,00                          |                | 98,00          |                              |                                      | 98,00                                          |                |                | 98,00                     |                                                                 |                | 98,00                 |                | 98,00                                      | 98,00          |                |                               |                     |         |  |  |  |

| STT | Danh mục dự án                                                                 | Nhóm dự án | Mã dự án/ dự án | Thời gian K/CHT | Quyết định phê duyệt dự toán, điều chỉnh (nếu có) hoặc quyết toán |                                |                | Lấy từ K/L TH đầu 30/6/2025 | Lấy từ vốn đã bỏ từ đầu 31/12/2020 | Kế hoạch vốn DTC trong hạn giải đoạn 2021-2025 | Trung địa      |                | Kế hoạch vốn DTC năm 2025 | Trung địa                                                        |                |                       |                | Lấy từ vốn đã bỏ từ từ K/C đầu 30/6/2025) | Trung địa      |                | Chủ đầu tư trước cấp xếp | Chủ đầu tư tiếp nhận | Chức vụ |    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|-----------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------|----------------|----------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------------|-------------------------------------------|----------------|----------------|--------------------------|----------------------|---------|----|
|     |                                                                                |            |                 |                 | Số QĐ ngày/tháng/năm                                              | TMDT/Tổng giá trị quyết toán   |                |                             |                                    |                                                | Nguồn vốn NSTW | Nguồn vốn NSDP |                           | Kế hoạch vốn năm 2024 theo đầu thời gian thực hiện sang năm 2025 |                | Kế hoạch vốn năm 2025 |                |                                           | Nguồn vốn NSTW | Nguồn vốn NSDP |                          |                      |         |    |
|     |                                                                                |            |                 |                 |                                                                   | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trung địa      |                             |                                    |                                                |                | Nguồn vốn NSTW |                           | Nguồn vốn NSDP                                                   | Nguồn vốn NSTW | Nguồn vốn NSDP        |                |                                           |                |                |                          |                      |         |    |
|     |                                                                                |            |                 |                 |                                                                   |                                | Nguồn vốn NSTW |                             |                                    |                                                |                |                |                           |                                                                  |                |                       | Nguồn vốn NSDP |                                           |                |                |                          |                      |         |    |
| 1   | 2                                                                              | 3          | 4               | 5               | 6                                                                 | 7                              | 8              | 9                           | 10                                 | 11                                             | 12             | 13             | 14                        | 15                                                               | 16             | 17                    | 18             | 19                                        | 20             | 21             | 22                       | 23                   | 24      | 25 |
| I   | Xây dựng khuôn viên nhà văn hóa thôn Lữ Viên                                   | C          |                 | 2025            |                                                                   | 98,00                          | 98,00          |                             |                                    |                                                |                |                |                           |                                                                  |                |                       | 98,00          |                                           | 98,00          | 98,00          |                          | Pho Lương            |         |    |
| V   | Dự án chuẩn bị đầu tư                                                          |            |                 |                 |                                                                   |                                |                |                             |                                    |                                                |                |                |                           |                                                                  |                |                       |                |                                           |                |                |                          |                      |         |    |
| A3  | Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng DTTS và miền núi | I          |                 |                 |                                                                   | 794,70                         | 794,70         |                             | 794,70                             |                                                | 794,70         | 794,70         |                           |                                                                  |                |                       |                |                                           | 794,70         | 794,70         |                          |                      |         |    |
| I   | Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán                                       | I          |                 |                 |                                                                   | 794,70                         | 794,70         |                             | 794,70                             |                                                | 794,70         | 794,70         |                           |                                                                  |                |                       |                |                                           | 794,70         | 794,70         |                          |                      |         |    |
| I   | Xây dựng đường giao thôn thôn Lữ Viên (Giai đoạn 2)                            | C          | 8033583         | 2024            |                                                                   | 794,70                         | 794,70         |                             | 794,70                             |                                                | 794,70         | 794,70         |                           |                                                                  |                |                       |                |                                           | 794,70         | 794,70         |                          | Pho Lương            |         |    |
| II  | Hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán                                           |            |                 |                 |                                                                   |                                |                |                             |                                    |                                                |                |                |                           |                                                                  |                |                       |                |                                           |                |                |                          |                      |         |    |
| III | Các dự án đang triển khai thực hiện                                            |            |                 |                 |                                                                   |                                |                |                             |                                    |                                                |                |                |                           |                                                                  |                |                       |                |                                           |                |                |                          |                      |         |    |
| IV  | Dự án chuẩn bị đầu tư                                                          |            |                 |                 |                                                                   |                                |                |                             |                                    |                                                |                |                |                           |                                                                  |                |                       |                |                                           |                |                |                          |                      |         |    |